

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22/11/2018

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trọng Tính

Ông Phạm Văn Khuyến

- T ký phiên tòa: Ông Chu Ngọc Phú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 358/2018/TLST - HNGĐ ngày 20/7/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐST- HNGĐ ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Minh T, sinh năm 1999. Có mặt

HKTT: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang

Nơi ở hiện tại: Khu phố 9, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Trình Văn Đ, sinh năm 1995. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Minh T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trình Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước vào năm 2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng Tòng hay cãi vã, xúc phạm, không tôn trọng nhau, ông Đ ham chơi không lo làm ăn chăm lo cho gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 người con chung là Trình Nguyễn Đ Nam, sinh ngày 10/4/2017. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Bị đơn ông Trình Văn Đ trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng ông Đ không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án không lấy được ý kiến trình bày của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà T.

Ngày 02/11/2018, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông Đ không có mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 22/11/2018.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Ông Đ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa Đ diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Nguyễn Minh T làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Trình Văn Đ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn có nơi cư trú tại xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng. Bị đơn mặc dù đã được

Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

2. Về nội dung:

** Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P vào năm 2017. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Theo lời trình bày của bà T thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do không hợp nhau, Tồng hay cãi vã, xúc phạm, không tôn trọng nhau, ông Đ ham chơi không lo làm ăn chăm lo cho gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, thể hiện: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng Tồng hay cãi nhau, hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Đ đến Tòa án làm việc nhưng ông Đ đều không có mặt. Chứng tỏ ông Đ không tha thiết hàn gắn mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ với nhau.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T yêu cầu nuôi dưỡng con chung là Trình Nguyễn Đại N, sinh ngày 10/4/2017 và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu N hiện nay dưới 3 tuổi nên giao cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Tòa án Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Minh T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Minh T được ly hôn với ông Trình Văn Đ.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trình Nguyễn Đại N, sinh ngày 10/4/2017 cho bà Nguyễn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 026547 ngày 20/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- UBND xã;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Đinh Thị Hải